TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN E** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2020/QĐST-HNGĐ	*E, ngày 27 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị **A** - Sinh năm 1982
Địa chỉ: Phố **C**, thị trấn **E**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hoá

Bị đơn: Anh Bùi Minh **B** – Sinh năm 1978
Địa chỉ: Phố **C**, thị trấn **E**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo **B** xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị **A** và anh Bùi Minh **B**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Hà Thị **A** và anh Bùi Minh **B**.

Về con chung: Chị Hà Thị **A** trực tiếp nuôi cháu Bùi Gia G– Sinh ngày 22/11/2008 và cháu Bùi Cao H– Sinh ngày 03/05/2013 là con chung của chị Hà

Thị **A** và anh Bùi Minh **B** cho đến khi cháu G, cháu H đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Minh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* cho cháu G, 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* cho cháu Hkể từ ngày 01/03/2020 cho đến khi cháu Go, cháu H đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung *(Anh Bùi Minh **B**)* có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

Việc thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo điều 357 Bộ luật Dân sự. Kể từ khi Quyết định này được ban hành, chị Hà Thị **A** có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Bùi Minh **B** không thực hiện đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Hà Thị **A** và anh Bùi Minh **B** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị **A** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* về việc thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0006816 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa, chị **A** được nhận lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí. Anh Bùi Minh **B** chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tân

Nơi nhận:
- UBND thị trấn NK, huyện M, tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện **E**;
- Chi cục THADS huyện **E**;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.